

KẾT QUẢ MÔN BỆNH Y HỌC HIỆN ĐẠI- KHÓA 22- NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1				GHI CHÚ	
					KIỂM TRA		TBKT	THI		TB MÔN
					HỆ SỐ 1	HỆ SỐ 2		L1		L1
1	22CT014A	Huỳnh Văn	Ái	09/06/1990	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	
2	22CT025A	Võ Thị	Ái	10/10/1989	9,0	7,0	7,7	8,3	8,0	
3	22CT003A	Vũ Văn	Cao	14/01/1984	9,0	7,0	7,7	7,2	7,4	
4	22CT018A	Nguyễn Bá	Cường	20/08/1989	7,0	7,0	7,0	0,0	2,8	
5	22CT021A	Trương Phúc	Hậu	08/04/2004	7,0	7,0	7,0	5,8	6,3	
6	22CT009A	Huỳnh Mai Thảo	Lâm	06/11/2007	8,0	7,0	7,3	7,0	7,1	
7	22CT015A	Nguyễn Thị Hằng	Nga	11/10/1969	7,0	7,0	7,0	5,0	5,8	
8	22CT024A	Nguyễn Hải	Ngọc	19/10/1984	8,0	7,0	7,3	7,5	7,4	
9	22CT006A	Văn Thị	Nhi	03/12/1996	7,0	7,0	7,0	7,7	7,4	
10	22CT026A	Đặng Tấn	Phát	19/06/1997	8,0	7,0	7,3	8,5	8,0	
11	22CT004A	Phạm Hoài	Phương	03/12/1984	7,0	7,0	7,0	6,8	6,9	
12	22CT005A	Phạm Thạch	Thảo	19/05/1989	9,0	7,0	7,7	8,5	8,2	
13	22CT016A	Nguyễn Quốc	Thắng	05/05/1967	9,0	8,0	8,3	7,5	7,8	
14	22CT013A	Nguyễn Văn	Thuận	02/09/2003	7,0	7,0	7,0	4,2	5,3	
15	22CT023A	Nguyễn Thị	Thuận	07/07/1993	9,0	8,0	8,3	6,3	7,1	
16	22CT008A	Trần Huyền	Trần	21/12/1985	8,0	7,0	7,3	7,2	7,3	
17	22CT017A	Nguyễn Thụy Ngọc	Trúc	05/05/1995	7,0	7,0	7,0	7,7	7,4	
19	21CT011A	Hà Tấn	Sang	27/03/1981	7,0	7,0	7,0	5,0	5,8	
20	21CT007A	Nguyễn Quốc	Đạt	18/06/1995	7,0	7,0	7,0	6,8	6,9	
21	21CT060A	Đình Xuân	Trương	08/11/1984	9,0	7,0	7,7	8,3	8,0	
22	21CT061A	Trần Trọng	Tín	09/5/2003	7,0	7,0	7,0	5,2	5,9	
23	230440010	Nguyễn Văn	Giai	20/07/1993	8,0	8,0	8,0	8,2	8,1	
24	230440001	Nguyễn Thị	Hường	23/03/1984	8,0	7,0	7,3	8,5	8,0	
25	230440002	Nguyễn Thanh	Thùy	18/02/1988	7,0	7,0	7,0	8,0	7,6	
26	22CT002A	Huỳnh Thanh	Quốc	09/09/1989	7,0	8,0	7,7	6,7	7,1	
28	22CT010A	Vũ Trọng	Phụng	01/9/1982	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	